

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước  
tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 336/TTr-SNV ngày 13 tháng 4 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực công tác cải cách hành chính tỉnh) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh đôn đốc, theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, TTPVHCC, TTTT;
- Lưu: VT, NC, Tùng.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**

## KẾ HOẠCH

### Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

## I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

### 1. Mục tiêu

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai công tác cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính (CCHC) giai đoạn 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2030.

### 2. Một số chỉ tiêu cụ thể

#### a) Giai đoạn 2026 - 2027:

- Về cải cách thể chế

+ Phân đầu 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Trung ương được cụ thể hóa hoặc triển khai kịp thời; 100% văn bản QPPL của tỉnh được rà soát, sửa đổi, bổ sung, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương; văn bản QPPL mới ban hành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ 100% văn bản QPPL được kiểm tra kịp thời theo quy định; 100% văn bản QPPL khi phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

+ Phân đầu 100% văn bản QPPL được tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả; thường xuyên rà soát, đánh giá, tổng kết tình hình tổ chức thi hành pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn.

+ Công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời danh mục văn bản hết hiệu lực hàng năm.

+ Phân đầu 100% các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành được tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân.

- Về cải cách thủ tục hành chính

+ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Về cải cách tổ chức bộ máy

+ Hoàn thành rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối trung gian.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương.

+ Bảo đảm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị không chồng chéo, trùng lặp.

+ Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Về cải cách chế độ công vụ

+ 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm.

+ Thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và khung năng lực.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh.

+ Hoàn thiện hệ thống đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc và sản phẩm đầu ra.

+ Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Về cải cách tài chính công

+ Quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước; hàng năm phần đầu thu ngân sách nhà nước nội địa cao hơn khoảng 5% so với dự toán được Trung ương giao.

+ Phần đầu trên 80% các kiến nghị sau Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được xử lý kịp thời.

+ 100% các đơn vị dự toán và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; 100% UBND các xã, phường thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo Luật NSNN năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

+ 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

+ Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu Đạt cấp độ 3.

b) Giai đoạn 2028 - 2030:

- Về cải cách thể chế

+ Hoàn thành các chỉ tiêu tại giai đoạn 2026 - 2027.

+ Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi.

- Về cải cách thủ tục hành chính

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết, tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

- Về cải cách tổ chức bộ máy

+ Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả (theo định hướng chỉ đạo của Trung ương). Giảm tối đa các đầu mối trung gian không cần thiết; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính các cấp.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương, nhất là cấp cơ sở.

- Về cải cách chế độ công vụ

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh chuyên nghiệp, có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Về cải cách tài chính công

+ Phân đấu trên 85% các kiến nghị sau Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được xử lý kịp thời.

+ Phân đấu toàn tỉnh có khoảng 5.500 doanh nghiệp mục tiêu đến năm 2030.

- Về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

+ 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu Đạt cấp độ 4.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP.

### 3. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương. Cải

cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Quán triệt yêu cầu lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết và lấy phục vụ Nhân dân là mục tiêu tối thượng.

- Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, thống nhất và nghiêm túc, bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm soát, không để xảy ra tình trạng triển khai manh mún, hình thức, cục bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính giai đoạn vừa qua. Tăng cường nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm cải cách của các địa phương.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Bám sát chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước để xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật của địa phương. Trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, tạo môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát những hạn chế, bất cập, vướng mắc về thể chế, quy định pháp luật ở các ngành, lĩnh vực để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới cho phù hợp. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về phân cấp, ủy quyền gắn với bảo đảm nguồn lực cho các địa phương trong triển khai thực hiện.

c) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả, thực chất, đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính đặc thù (nếu có); tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên

chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xoá cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

c) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Bộ, ngành Trung ương.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

b) Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 205-KL/TW ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ.

c) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.

đ) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

### **5. Cải cách tài chính công**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan hành chính nhà nước; thực hiện cân đối ngân sách địa phương đảm bảo triển khai các chính sách an sinh xã hội.

c) Tham mưu trình UBND tỉnh hướng dẫn các đơn vị dự toán triển khai kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện chế độ tự chủ theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021; Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các công cụ mạng xã hội tin cậy, các ứng dụng thông minh được cơ quan nhà nước cấp phép sử dụng để đăng tải, cung cấp thông tin về minh bạch tài chính ngân sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia, góp ý, kiểm tra, giám sát theo quy định.

đ) Bố trí đủ nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, xác định việc cải cách chính sách tiền lương là động lực quan trọng thu hút và giữ chân người tài làm việc, cống hiến cho khu vực Nhà nước. Sử dụng nguồn lực ở các đơn vị sự nghiệp đảm bảo hiệu quả, thúc đẩy phát triển hoạt động thu sự nghiệp, khai thác nguồn thu tăng tích lũy cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030.

e) Cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và phục hồi nhanh, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; lớn mạnh về số lượng và chất lượng, góp phần xây dựng nền kinh tế Sơn La phát triển xanh, nhanh, bền vững, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

g) Triển khai thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu; Tập trung thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

## **6. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030 được ban

hành kèm theo Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của UBND tỉnh Sơn La.

b) Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền; 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến; 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”; 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

c) Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức: Triển khai Nền tảng AI tỉnh Sơn La theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động (ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

d) Xây dựng, cập nhật khung kiến trúc số tỉnh Sơn La phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

đ) Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Sơn La, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

e) Phối hợp hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

g) Đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo đúng Luật An toàn thông tin mạng (hết hiệu lực từ ngày 01/7/2026) và Luật An ninh mạng (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026); duy trì vận hành, đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin kết nối với Trung tâm dữ liệu Quốc gia về dân cư phục vụ cấp và quản lý căn cước, quản lý cư trú.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

*(Nội dung các nhiệm vụ cụ thể có Phụ lục ban hành kèm theo).*

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, gồm: Ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nguồn khác theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa

phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

2. Hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường**

a) Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế; định kỳ báo cáo theo quy định.

b) Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hằng năm.

c) Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Sử dụng có hiệu quả Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

d) Các sở, ban, ngành chủ trì các hoạt động được nêu trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai, báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực cải cách hành chính của tỉnh theo quy định.

### **2. Sở Nội vụ**

a) Là cơ quan thường trực công tác cải cách hành chính của tỉnh, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

d) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh; hướng dẫn các sở, cơ quan ngang sở, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch CCHC hằng năm.

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch.

e) Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ.

g) Tổ chức, triển khai đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

h) Xây dựng, triển khai thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

i) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

l) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC ở các các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

### **3. Văn phòng UBND tỉnh**

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác cải cách TTHC; tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

b) Hướng dẫn, tổng hợp rà soát, đánh giá TTHC; tham mưu phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ; phối hợp với Sở Tư pháp kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC theo quy định.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp: Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

d) Đẩy mạnh số hóa và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ trì quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; thúc đẩy số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu.

đ) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và tăng cường kiểm tra, giám sát: Tham mưu xử lý kịp thời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; tổ chức hoặc tham mưu kiểm tra công tác cải cách TTHC; kịp thời chấn chỉnh, xử lý vi phạm (nếu có).

e) Tổng hợp, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện: Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất; tham mưu đánh giá, chấm điểm, xếp hạng kết quả cải cách TTHC của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

#### **4. Sở Tư pháp**

- a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.
- b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thi hành pháp luật.

#### **5. Sở Tài chính**

- a) Chủ trì, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.
- b) Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan thường trực về CCHC và các sở, ban, ngành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công.
- d) Hàng năm, đề xuất, tham mưu các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Sơn La.

#### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

- a) Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; xây dựng, quản lý, vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai và phối hợp triển khai các nền tảng số dùng chung cấp tỉnh; xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền số của tỉnh; theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả chuyển đổi số, trong đó có chỉ số chuyển đổi số (DTI).
- b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

#### **7. Công an tỉnh**

- a) Chủ trì tham mưu triển khai hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06; chịu trách nhiệm vận hành, khai thác Cơ sở dữ

liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử theo phân cấp.

c) Chủ trì vận hành, đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cấp và quản lý căn cước, quản lý cư trú trên địa bàn tỉnh; phối hợp các cơ quan, đơn vị là chủ quản đảm bảo an toàn thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

### **8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội**

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác truyền thông nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của cá nhân, tổ chức đối với công tác cải cách hành chính, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh.

### **9. Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước Khu vực X (Đầu mối tại Sơn La), Bảo hiểm xã hội tỉnh, Điện lực tỉnh**

a) Thực hiện tốt công tác CCHC tại cơ quan. Chú trọng cải cách TTHC, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan.

b) Nâng cao trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan. Thực hiện có hiệu quả dịch vụ bưu chính công ích đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

c) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong giải quyết TTHC, nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

### **10. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí Trung ương đặt tại địa phương, Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị**

Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tuyên truyền Kế hoạch, Chương trình, kết quả CCHC và tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; nêu gương điển hình tập thể, cá nhân trong thực hiện công tác CCHC, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh./.

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 2026 - 2027</b>			
1.	Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
2.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
3.	Người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
4.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm	%	100	Sở Nội vụ
5.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh	%	100	Sở Nội vụ
6.	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2028 - 2030</b>			
1.	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết, tiếp nhận giải	%	≥ 95	Sở Khoa học và Công nghệ,

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá</b>
	quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp			Văn phòng UBND tỉnh
2.	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	$\geq 90$	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
3.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
4.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh
5.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị hoàn thành xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm	%	100	Sở Nội vụ
6.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh	%	100	Sở Nội vụ
7.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
8.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
9.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	Lần GDP	30	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 3

**Phụ lục II**  
**CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>				
1.	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo kế hoạch hàng năm; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Các báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện.	Thường xuyên
2.	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Các lớp, hội nghị tập huấn; Tổ chức các đoàn công tác học tập kinh nghiệm cải cách hành chính	2026 - 2030
3.	Tiếp tục tổ chức thẩm định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Quyết định công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính	Hàng năm
4.	Tiếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sơn La	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và	Quyết định công bố kết	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			UBND cấp xã	quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	
5.	Tăng cường thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính. Thực hiện tuyên truyền trên báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình, nền tảng số, mạng xã hội về công tác cải cách hành chính bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài. Duy trì thực hiện chuyên mục “Cải cách hành chính” trên sóng phát thanh, truyền hình.	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Sơn La	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Chuyên trang, Chuyên mục, Bản tin; Cuộc thi,...	Thường xuyên
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>				
1.	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới	Các sở, ngành, UBND cấp xã (theo phân công tại Chương trình hành động của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-CP của Chính phủ về ban hành chương trình		Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Theo lộ trình tại Chương trình hành động của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
		hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị)			
2.	Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp		Thường xuyên
3.	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL; kết quả hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL	Thường xuyên
4.	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp		Thường xuyên
5.	Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ	Chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi được thu hút, tiếp nhận	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>				
1.	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Tư pháp	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2.	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Tư pháp	- Các quyết định phê duyệt; - Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	Thường xuyên
3.	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và các quy định khác có liên quan	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	Ngày 01/3/2027
4.	Phối hợp triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu là một Cổng duy nhất trên toàn quốc để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	Tháng 02/2026
5.	Phối hợp xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính là một cấu phần của Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Hệ thống được xây dựng	Tháng 3/2026

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			phường		
6.	Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Ngân hàng Nhà nước, Sở Tư pháp, Công an tỉnh	Các tiện ích được hoàn thiện, cung cấp	2026 - 2030
7.	Hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai có hiệu quả việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Các quy định được ban hành; vướng mắc được tháo gỡ.	2026 - 2030
8.	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	Thường xuyên
9.	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Văn bản đề xuất kiến nghị với Bộ, ngành, trung ương (nếu có)	Thường xuyên
10.	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất
11.	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính	Các sở, ban,	Văn phòng	Số liệu TTHC	Thường

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	ngành; UBND xã, phường	UBND tỉnh	được cắt giảm, đơn giản hóa	xuyên
12.	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương “ <i>Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền, tiêu cực</i> ”	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Sở Tư pháp	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2026-2030
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>				
1.	Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các Quyết định	Thường xuyên
2.	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Các Quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	2026 - 2030
3.	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các	Báo cáo sơ kết	Năm 2027

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan		
4.	Tiếp tục phân cấp, phân quyền triệt để giữa các cấp chính quyền địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Tư pháp	Quyết định, Báo cáo theo quy định	Thường xuyên
5.	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ	Số lượng đơn vị được sắp xếp	2026 - 2030
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>				
1.	Rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; UBND các xã, phường	Sở Nội vụ	Quyết định; văn bản hướng dẫn	Thường xuyên
2.	Triển khai chương trình cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; UBND	Quyết định; văn bản hướng dẫn	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			các xã, phường		
3.	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định; văn bản hướng dẫn	2026 - 2030
4.	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành; Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp tỉnh; UBND các xã, phường; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định; văn bản hướng dẫn	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>				
1.	Quyết định của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
2.	Quyết định của UBND tỉnh quy định quản lý điều hành ngân sách địa phương hàng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
3.	Quyết định của UBND tỉnh công khai dự toán ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
4.	Quyết định của UBND tỉnh công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 12 hằng năm
5.	Quyết định của UBND tỉnh ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quyết định của UBND tỉnh	Tháng 01 hằng năm (sau khi có chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
					ban hành)
6.	Báo cáo kết quả Chỉ số công khai ngân sách tỉnh Sơn La (POBI) hằng năm; nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số công khai ngân sách tỉnh (POBI) năm kế hoạch	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo của UBND tỉnh	Báo cáo sau khi Trung tâm phát triển và hội nhập (CDI Việt Nam) tổ chức Hội nghị công bố
7.	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kinh phí được bố trí đủ Cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>				
1.	Xây dựng, phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
2.	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Sơn La để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
3.	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành tỉnh Sơn La	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
4.	Xây dựng Nền tảng AI tỉnh Sơn La theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
5.	Phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026-2030
6.	Duy trì, phát triển các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh: - (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La; (2) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (4) Hệ thống thông tin phục vụ họp-eCabinet - (1) Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh; (2) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; (3) Cổng dữ liệu mở tỉnh; (4) Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 2 cấp từ tỉnh đến xã	- Văn phòng UBND tỉnh  - Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch thuê dịch vụ, đầu tư xây dựng	2026-2030
7.	Xây dựng Nền tảng AI tỉnh Sơn La theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành;	Hệ thống vận hành ổn định,	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng		UBND cấp xã	đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	
8.	Triển khai các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Các sở, ban, ngành	UBND cấp xã; các doanh nghiệp có liên quan	Các HTTT, CSDL	2026-2030
9.	Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND, cấp xã	Kế hoạch triển khai	2026-2030
10.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Báo cáo kết quả	2026-2030
11.	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	2026-2030
12.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	2026-2030